

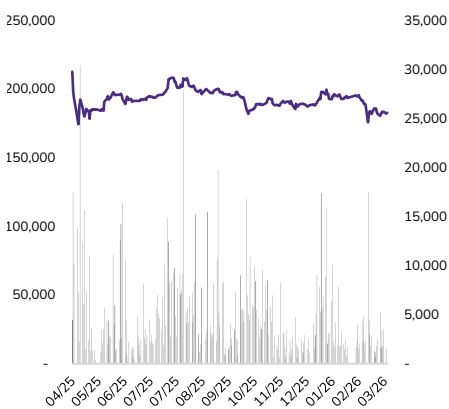
Kiều Thị Thanh Thu

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)

## THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thực phẩm
Ngày báo cáo	: 03/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 25.550
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 2.811
SLCPLH (CP)	: 110.000.000

## DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	-6,5%	-2,9%
Tăng trưởng LNST (%)	-16,8%	-9,7%
Biên LNG (%)	29,3%	29,1%
Biên LNST (%)	9,6%	8,9%
ROA (%)	8,31%	8,04%
ROE (%)	9,49%	9,41%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,04	0,03
EPS (VND/CP)	646	583
BVPS (VND/CP)	20.956	20.721

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Động lực đến từ tăng trưởng đàn bò nguyên liệu và phân phối qua kênh bán hàng của Vinamilk

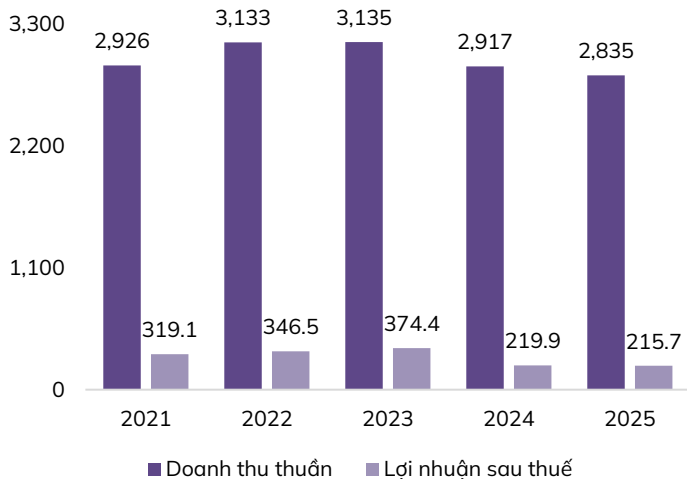
- KQKD của MCM đạt đỉnh lợi nhuận năm 2023 nhờ hoạt động tài chính lãi lớn sau đó suy giảm.**
  - Doanh thu năm 2023 đạt 3.135 tỷ đồng (+0,1% svck), là mức cao nhất lịch sử. Biên lợi nhuận gộp giảm nhẹ svck nhưng lãi hoạt động tài chính tăng vọt 57% svck nhờ mặt bằng lãi suất tăng cao trong năm này đã giúp lợi nhuận sau thuế đạt 374,4 tỷ đồng (+8% svck). MCM thường xuyên duy trì lượng tiền và tiền gửi ngân hàng khá lớn trong khi rất ít vay nợ, nên đã được hưởng lợi trong giai đoạn lãi suất tăng cao.
  - Biên LNG của Mộc Châu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2022-2024 do Mộc Châu phải chịu sức ép cạnh tranh của rất nhiều đối thủ lớn như Vinamilk, TH Truemilk, Cô Gái Hà Lan... đồng thời phân khúc khách hàng Mộc Châu hướng đến là phân khúc thấp, do vậy Mộc Châu khó tăng giá bán hơn đối thủ.
  - Năm 2024, doanh thu, biên LNG và mặt bằng lãi suất đều giảm đã khiến LNST của MCM giảm mạnh xuống chỉ còn 220 tỷ đồng (-41,3% svck).
- KQKD 2025 doanh thu và lợi nhuận tiếp tục giảm svck:**
  - Doanh thu thuần năm 2025 đạt 2.835 tỷ đồng (-2,8% svck), đánh dấu năm thứ 2 liên tiếp doanh thu suy giảm. Doanh thu tất cả các quý trong năm 2025 của MCM đều thấp hơn cùng kỳ cho thấy nhu cầu tiêu thụ đối với các sản phẩm của công ty vẫn yếu.
  - Lợi nhuận gộp đạt 797 tỷ đồng (-6,1% svck). Biên LNG giảm 1% xuống còn 28,1% trong năm 2025 do biên LNG quý 1/2025 giảm mạnh svck khi MCM thực hiện tái thiết lại hệ thống.
  - Chi phí BH&QLDN năm 2025 ở mức 644,7 tỷ đồng (-7,1% svck). Trong năm 2025 công ty đã giảm mạnh chi phí hỗ trợ quảng cáo khuyến mại xuống còn 522 tỷ đồng (-6,9% svck).
  - Lãi hoạt động tài chính giảm nhưng vẫn ở mức tương đối lớn so với quy mô doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp. Năm 2025, MCM ghi nhận lãi tài chính 97,9 tỷ đồng (-1,5% svck). Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính đạt 103,9 tỷ đồng (+2,6% svck); lãi tiền gửi ghi nhận 100 tỷ (+3,3% svck). Ngược lại, chi phí tài chính ghi nhận tăng mạnh hơn 3 lần lên 6 tỷ đồng do dư nợ vay duy trì ở mức cao svck trong 3 quý đầu năm khiến chi phí lãi vay tăng mạnh, ghi nhận 5,7 tỷ đồng (+229% svck).
  - Kết quả, LNST ghi nhận 215,7 tỷ đồng (-1,9% svck). Với kết quả này, MCM mới đạt 89,7% kế hoạch doanh thu và 73,4% kế hoạch lợi nhuận đặt ra cho năm 2025.

## KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA MCM Q4/2025 & NĂM 2025

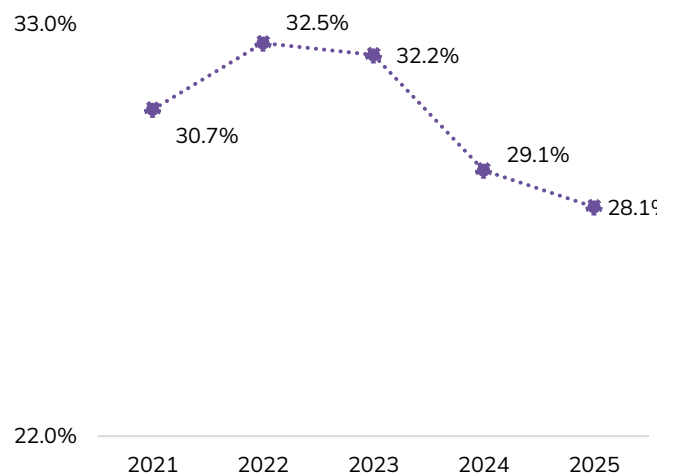
BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	742,9	721,2	-2,9%	2.917	2.835	-2,8%
Lợi nhuận gộp	217,7	209,5	-3,7%	848,5	797,0	-6,1%
Biên lợi nhuận gộp (%)	29,3%	29,1%		29,1%	28,1%	
Chi phí BH & QLDN	-164,5	-163,7	-0,5%	-694,2	-644,7	-7,1%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	22,1%	22,7%		23,8%	22,7%	
Doanh thu tài chính	25,5	25,8	1,4%	101,3	103,9	2,6%
Chi phí tài chính	-1,3	-0,9	-33,8%	-1,9	-6,0	216,4%
Chi phí lãi vay	-1,2	-0,9	-25,0%	-1,7	-5,7	229,4%
Lợi nhuận từ HĐKD	77,3	70,8	-8,5%	253,7	250,2	-1,4%
Lợi nhuận trước thuế	79,4	72,9	-8,2%	252,1	248,5	-1,4%
<b>LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>71,0</b>	<b>64,1</b>	<b>-9,7%</b>	<b>219,9</b>	<b>215,7</b>	<b>-1,9%</b>
Biên lợi nhuận ròng (%)	9,6%	8,9%		7,5%	7,6%	

Nguồn: MCM, ABS Research

Doanh thu thuần và LNST của MCM giai đoạn 2021-2025  
(tỷ đồng)



Biên lợi nhuận gộp của MCM



Nguồn: MCM, ABS Research

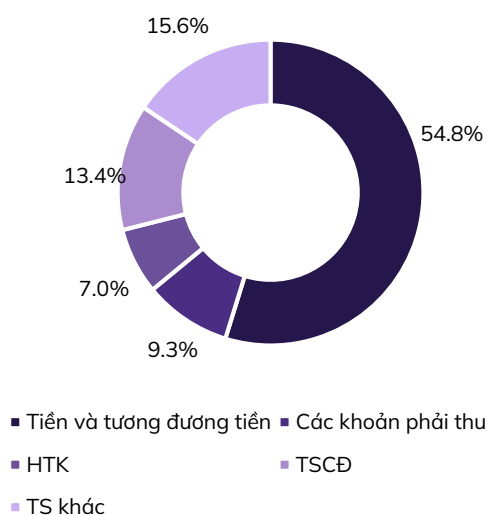
### • Tình hình tài chính an toàn.

- ✓ **Tiền và tiền gửi ngân hàng giảm nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tài sản.** Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng cuối năm 2025 ở mức 1.468 tỷ đồng (-10,5% sv đầu năm), chiếm 54,8% TTS. Lượng tiền giảm trong kỳ do MCM trả bất nợ vay đồng thời chi trả cổ tức 20% trong năm 2025 (10% cho cổ tức còn lại của năm 2024, và tạm ứng 10% cổ tức cho năm 2025).
- ✓ **Các khoản phải thu giảm.** Giá trị các khoản phải thu cuối năm 2025 ở mức 248 tỷ đồng (-13,5% sv đầu năm). Trong đó, phải thu khách hàng giảm 14% sv đầu năm xuống còn 179 tỷ đồng. Dự phòng khó đòi ghi nhận 0,16 tỷ đồng.
- ✓ **Hàng tồn kho tăng.** Giá trị HTK cuối năm 2025 ở mức 188 tỷ đồng (+8,7% sv đầu năm). Nguyên vật liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu HTK, trị giá 127 tỷ đồng (+0,6% sv đầu năm), chiếm 67,6% HTK; thành phẩm trị giá 35,1 tỷ đồng (+20,5% sv đầu năm), chiếm 18,6% HTK, chi phí sản xuất dở dang ghi nhận 21,6 tỷ đồng (+63,6% sv đầu năm). HTK tăng trong bối cảnh MCM ra mắt thương hiệu mới ở phân khúc cao cấp và sẽ đẩy mạnh bán hàng ở các quý tiếp theo.
- ✓ **Tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh.** Giá trị tài sản dở dang dài hạn cuối năm 2025 ở mức 374 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ. Trong đó, các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn bao gồm: trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao

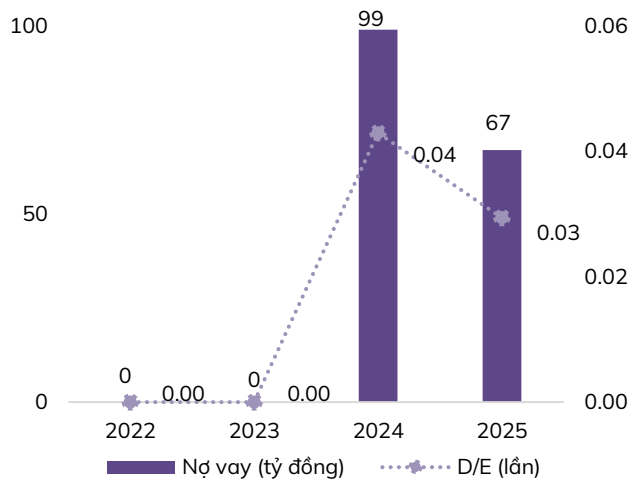
4.000 con trị giá 311,6 tỷ đồng (+117,6% sv đầu năm); nhà máy sữa công nghệ cao trị giá 31,1 tỷ đồng (+455% sv đầu năm).

- ✓ **Nợ vay giảm.** Tổng nợ vay cuối năm 2025 ở mức 67 tỷ đồng (-32,3% sv đầu năm). Tỷ lệ D/E ở mức 0,03 lần, là mức rất an toàn.

**Cơ cấu tài sản của MCM cuối năm 2025**



**Nợ vay và tỷ lệ D/E của MCM**



Nguồn: MCM, ABS Research

## Triển vọng và rủi ro

Chúng tôi cho rằng triển vọng doanh thu và lợi nhuận 2026 của MCM sẽ khả quan do các yếu tố sau.

- Dự án trang trại 4000 con bò dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào vận hành trong quý 2/2026 sẽ nâng quy mô đàn bò lên hơn 31.600 con, tương đương mức tăng 14,5% so với trước đây. Việc đầu tư mở rộng trang trại sẽ giúp đảm bảo nguồn cung ứng ổn định về sữa tươi nguyên liệu cho chế biến. Chúng tôi kỳ vọng giá sữa tươi nguyên liệu của Mộc Châu trong năm 2026 sẽ ổn định do nguồn cung của doanh nghiệp là trang trại và các hộ gia đình liên kết lâu năm, đồng thời doanh nghiệp cũng sẽ đưa vào hoạt động trang trại 4000 con trong quý 2/2026 làm gia tăng sự ổn định nguồn cung sữa tươi nguyên liệu.
- Sản phẩm sữa cao cấp Mộc Châu Creamery đã được ra mắt và bán trên hệ thống app/website của Vinamilk và được Vinamilk quảng bá từ cuối năm 2025. Với việc MCM ra mắt phân khúc cao cấp và được trực tiếp tiếp cận tệp khách hàng rộng lớn của Vinamilk, chúng tôi kỳ vọng doanh thu các sản phẩm Mộc Châu Creamery sẽ là động lực tăng trưởng cho MCM trong năm nay.
- Tiêu dùng được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong năm 2026, nhờ sự cộng hưởng của các yếu tố vĩ mô, chính sách và thu nhập người dân:
  - ✓ Năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu tăng trưởng hai con số. Theo Bộ Công Thương, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2026 dự kiến đạt khoảng 7,88 triệu tỷ đồng, tăng 11% so với năm 2025, phản ánh kỳ vọng rõ nét về sự phục hồi và mở rộng của cầu tiêu dùng trong nước.
  - ✓ Luật Thuế thu nhập cá nhân mới giúp giảm gánh nặng thuế cho người lao động, đặc biệt là nhóm thu nhập trung bình. Việc gia tăng thu nhập khả dụng được kỳ vọng sẽ cải thiện sức mua ngắn hạn và khuyến khích chi tiêu cho cả hàng hóa thiết yếu lẫn dịch vụ, giải trí và tiêu dùng nâng cao. Ngoài ra, chính sách giảm thuế VAT 2% tiếp tục được gia hạn đến hết năm 2026 sẽ trực tiếp làm giảm giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, qua đó kích thích tiêu dùng.

- Chính sách hỗ trợ sự phát triển của ngành sữa thông qua Quyết định số 309/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển ngành sữa giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có hiệu lực từ ngày 23/2/2026 với kỳ vọng xây dựng ngành sữa Việt Nam phát triển bền vững với chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ phát triển đàn bò, tăng sản lượng sữa tươi nguyên liệu đến chế biến thành phẩm giá trị cao. Mục tiêu tăng trưởng ngành sữa bình quân giai đoạn 2026-2030 ở mức 12%-14%/năm, phấn đấu mức tiêu thụ bình quân sữa và sản phẩm từ sữa đạt khoảng 40 lít/người/năm (hiện tại đạt khoảng 29 lít/người/năm). Đây là mục tiêu tương đối tham vọng tuy nhiên sẽ là nền tảng cho sự phát triển của ngành sữa trong thời gian tới.
- Chúng tôi dự phóng DTT và LNST cổ đông công ty mẹ của MCM 2026F ở mức 3.062 tỷ đồng (+8% svck) và 260 tỷ đồng (+20,5% svck). EPS và BVPS 2026F dự kiến đạt 2.362 đ/cp và 21.083 đ/cp, tương ứng P/E và P/B đạt lần lượt 10,8x và 1,2x tại mức giá hiện tại. ROE dự kiến đạt 11,3%.

## PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA MCM

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.133</b>	<b>3.135</b>	<b>2.917</b>	<b>2.835</b>
Giá vốn hàng bán	(2.115)	(2.127)	(2.068)	(2.038)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.018</b>	<b>1.009</b>	<b>849</b>	<b>797</b>
Doanh thu tài chính	103	162	101	104
Chi phí tài chính	(1)	(1)	(2)	(6)
Chi phí bán hàng	(689)	(709)	(657)	(607)
Chi phí QLDN	(40)	(38)	(37)	(38)
<b>Lợi nhuận từ HKKD</b>	<b>392</b>	<b>423</b>	<b>254</b>	<b>250</b>
Lãi/lỗ khác	16	16,6	15,0	13,8
Lợi nhuận trước thuế	381	424	252	249
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>347</b>	<b>374</b>	<b>220</b>	<b>216</b>
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>347</b>	<b>374</b>	<b>220</b>	<b>216</b>

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HKKD	268	287	196	181
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	303	(324)	(94)	72
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(352)	(220)	(121)	(252)
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	<b>220</b>	<b>(257)</b>	<b>(19)</b>	<b>1</b>
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	92	312	55	36
<b>Tiền &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>312</b>	<b>55</b>	<b>36</b>	<b>37</b>

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	8,92	7,57	5,60	4,82
Khả năng thanh toán nhanh	2,61	1,47	0,86	0,72
Khả năng thanh toán tiền mặt	1,31	0,20	0,10	0,09
Khả năng thanh toán lãi vay	454,86	-	89,09	26,69
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,90	0,89	0,86	0,85
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,10	0,11	0,14	0,15
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	-	-	0,04	0,03
<b>Chỉ số hiệu suất hoạt động</b>				
Số ngày phải thu	21,52	23,05	25,75	24,74
Số ngày phải trả	16,43	19,34	25,38	32,48
Số ngày tồn kho	33,64	32,82	31,80	32,33
<b>Khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	32,5%	32,2%	29,1%	28,1%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	12,5%	13,5%	8,7%	8,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	11,1%	11,9%	7,5%	7,6%
ROE	15,8%	16,5%	9,5%	9,4%
ROA	14,0%	14,8%	8,3%	8,0%
ROIC	13,0%	11,1%	5,8%	5,7%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	312	55	36	37
+ Đầu tư ngắn hạn	1.285	1.442	1.603	1.431
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	308	349	287	248
+ Hàng tồn kho	194	186	172	187
+ Tài sản ngắn hạn khác	24	46	16	12
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>2.123</b>	<b>2.078</b>	<b>2.115</b>	<b>1.915</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	227	393	367	358
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	97	119	187	374
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	25
+ Tài sản dài hạn khác	8	17	18	8
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>332</b>	<b>528</b>	<b>572</b>	<b>765</b>

Tổng Tài sản	2.455	2.606	2.687	2.680
+ Vay ngắn hạn	0	0	99	67
+ Phải trả người bán	103	123	165	198
+ Nợ ngắn hạn khác	135	152	114	133
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>238</b>	<b>274</b>	<b>378</b>	<b>397</b>
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	7	4	4	3
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>3</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>245</b>	<b>279</b>	<b>381</b>	<b>401</b>
+ Vốn cổ phần	1.100	1.100	1.100	1.100
+ Thặng dư vốn cổ phần	817	817	817	817
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	182	261	239	213
+ Quỹ khác	0	0	0	0
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.210</b>	<b>2.327</b>	<b>2.305</b>	<b>2.279</b>
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.455</b>	<b>2.606</b>	<b>2.687</b>	<b>2.680</b>

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	7,1%	0,1%	-7,0%	-2,8%
Tăng trưởng LNST	7,6%	11,3%	-40,5%	-1,4%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	8,6%	8,0%	-41,3%	-1,9%
Tăng trưởng EPS	20,7%	8,0%	-41,3%	-1,9%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	-1,3%	6,1%	3,1%	-0,3%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	11,72	9,64	13,73	13,26
P/B	1,84	1,55	1,31	1,25
EV/EBITDA	10,91	10,97	13,92	13,07
EV/Sales	1,20	1,13	1,06	1,02
EPS (đồng/cp)	3.150	3.404	1.999	1.961
BVPS (đồng/cp)	20.093	21.157	20.956	20.721

Nguồn: FiinPro, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

## Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyensexuan@abs.vn](mailto:hai.nguyensexuan@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ Công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Bán lẻ, Hàng tiêu dùng**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường – Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminhh@abs.vn](mailto:anh.buiminhh@abs.vn)



TRỢN VẬN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

*Tư hào*  
**NHẬN CÚ ĐÚP  
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP  
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI  
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH  
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT  
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay  
ABS Invest tại đây